

TUẦN 3

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Bảng nhân 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về bảng nhân 4, giải toán có phép tính nhân trong bảng nhân 4

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Bảng phụ ghi bài tập 2.

2. Học sinh:

-Vở ghi

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Khởi động:

+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.

+ Hướng dẫn HS ôn tập bảng nhân 4:

- Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng nhân 4

- HS đọc thuộc bảng nhân 4

- HS nêu đặc điểm của bảng nhân 4?

- Nhận xét.

=>GV chốt KT: Bảng nhân 4 có các TS thứ nhất đều là 4, các TS thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10, dãy tích là dãy số đếm thêm 4 đơn vị từ 4 đến 40

2. Luyện tập

Bài 1: Tính nhẩm

$$4 \times 3 = \quad 4 \times 5 = \quad 4 \times 7 =$$

$$4 \times 4 = \quad 4 \times 6 = \quad 4 \times 8 =$$

$$4 \times 5 = \quad 4 \times 8 = \quad 4 \times 9 =$$

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.

- Gọi 1 HS lên bảng làm, ở dưới làm vào vở.

-HS hỏi đáp nhau về bảng nhân 4

-HS đọc thuộc bảng nhân 4

Bảng nhân 4 có các TS thứ nhất đều là 4, các TS thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10, dãy tích là dãy số đếm thêm 4 đơn vị từ 4 đến 40.

- HS nêu yêu cầu bài.

- HS lên bảng làm.

- HS nêu cách làm.

- Nhận xét, nêu cách làm.
=>GV chốt KT: Các phép tính BT1 là các phép nhân trong bảng nhân 4

Bài 2:Số? (GV treo bảng phụ)

$$4 \times \dots = 20 \qquad 12 = \dots \times 3$$

$$\dots \times 4 = 16 \qquad 32 = 4 \times \dots$$

$$4 \times \dots = 24 \qquad 28 = \dots \times 7$$

- Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài.
- Yêu cầu HS làm bài
- Nhận xét, nêu cách làm.

=> GV chốt KT: Củng cố bảng nhân 4

Bài 3: Mỗi đĩa có 4 quả cam. Hỏi 7 đĩa như thế có bao nhiêu quả cam?

- Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì ?
- Có mấy đĩa đựng cam?
- Mỗi đĩa có mấy quả?
- Muốn biết 7 đĩa có bao nhiêu quả táo làm tính gì?
- YC HS tự tóm tắt và trình bày bài giải vào vở.

=> GV chốt KT: Củng cố giải toán có phép nhân (trong bảng nhân 4).

3. Vận dụng

Bài 4: Dựa vào bảng nhân 4, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.

- YCHS suy nghĩ lập đề toán.
- Gọi HS nêu đề toán.
- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.

VD: Một xe ô tô có 4 bánh xe. Hỏi 6 xe ô tô như thế có bao nhiêu bánh xe?

- Nhận xét.

- HS nêu yêu cầu bài.
- HS làm bài
- HS giải thích cách điền: Dựa vào bảng nhân 4 để tìm thừa số còn lại trong tích.
- Nhận xét.

- HS đọc đề.
- HS trả lời.
- Có 7 đĩa.
- Mỗi đĩa có 4 quả.
- Làm tính nhân.

- HS tóm tắt và trình bày bài giải vào vở.

1 đĩa: 4 quả cam

7 đĩa: ... quả cam?

Bài giải

Bảy đĩa có số quả cam là:

$$4 \times 7 = 28 \text{ (quả)}$$

Đáp số 28 quả cam.

1 HS lên bảng chữa bài, nhận xét.

- HS lập đề toán tương tự, giải.

- HS nêu yc.
- HS suy nghĩ lập đề bài.
- HS nêu đề toán, lớp nhận xét.
- HS tự giải bài toán.
- Nhận xét, đánh giá.
- HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn.

Tóm tắt

1 ô tô : 4 bánh xe

6 ô tô : ... bánh xe ?

=> GV chốt KT: Để tìm số bánh xe của 6 ô tô ta thực hiện phép tính nhân (4×6).
- HS đọc lại bảng nhân 4
- Nhận xét tiết học.
- Dặn chuẩn bị bài sau: Bảng nhân 6

Bài giải
6 xe ô tô như thế có số bánh xe là:
 $4 \times 6 = 24$ (bánh xe)
Đáp số: 24 bánh xe.

- Nhiều HS đọc.

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Bảng nhân 6

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Củng cố khắc sâu bảng nhân 6. Làm các bài tập có liên quan đến bảng nhân 6

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên:

- Bảng phụ (bài 3; 4); bài 2 (phiếu bài tập)

2. Học sinh:

- Vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Khởi động: Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.

+ Hướng dẫn HS ôn tập bảng nhân 6:

- Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng nhân 6

- HS đọc thuộc bảng nhân 6

- HS nêu đặc điểm của bảng nhân 6?

- Nhận xét.

=> GV chốt KT: Bảng nhân 6 có các TS thứ nhất đều là 6, các TS thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10, dãy tích là dãy số đếm thêm 6 đơn vị từ 6 đến 60

2. Luyện tập

HS hỏi đáp nhau về bảng nhân 6

- HS đọc thuộc bảng nhân 6

Bảng nhân 6 có các TS thứ nhất đều là 6, các TS thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10, dãy tích là dãy số đếm thêm 6 đơn vị từ 6 đến 60.

Bài 1: Tính nhẩm?

$6 \times 2 =$ $6 \times 3 =$ $6 \times 5 =$

$2 \times 6 =$ $3 \times 6 =$ $5 \times 6 =$

- Tổ chức cho HS chơi TC "truyền điện"

Gợi ý: HS nêu phép trong bảng nhân 6,

HS khác nêu kết quả

- YC HS làm các phép tính sau:

- Các phép tính ở từng cột trên có điểm gì giống và khác nhau?

=> GV chốt KT: Khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì kết quả không đổi.

Bài 2: Số? (phiếu bài tập)

Số hộp bánh	1	3	5	7	9	2	4	6
Số chiếc bánh	6	18						

- GV mời 1 HS nêu YC của bài
- GV yêu cầu hs quan sát mẫu, thảo luận cách làm (nhóm đôi)

+ Mỗi hộp bánh có mấy chiếc bánh?

+ Tìm số bánh 3 hộp ta làm ntn?

- Yêu cầu học sinh thực hiện các phép nhân, điền kết quả tương ứng vào bảng

- GV nhận xét, tuyên dương.

=> GV chốt KT: Củng cố bảng nhân 6

Bài 3: Mỗi lọ cắm 6 bông hoa. Hỏi cần có bao nhiêu bông hoa để cắm đủ 8 lọ hoa như thế? (BP)

- Yêu cầu HS đọc đề

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

- GV yêu cầu HS tóm tắt bài toán.

- Yêu cầu HS giải bài toán đó

- GV chữa bài, nhận xét.

=> GV chốt KT: Củng cố giải toán có lời văn bằng 1 phép tính nhân.

3. Vận dụng

Bài 4: Dựa vào bảng nhân 6, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.

- YCHS suy nghĩ lập đề toán.

- HS chơi trong nhóm 6.

- HS chơi trước lớp.

- Có thừa số giống nhau, kết quả giống nhau nhưng thứ tự các thừa số trong các phép tính không giống nhau.

- 1 HS nêu: Số

- HS quan sát mẫu và thảo luận cách làm

HS trả lời:

+ Mỗi hộp có 6 chiếc bánh

+ $6 \times 3 = 18$

- HS thực hiện cá nhân, đổi vở kiểm tra bài

- HS nghe

- HS đọc đề bài.

- Một lọ hoa cắm 6 bông hoa.

- 8 lọ hoa có bao nhiêu bông hoa?

Tóm tắt

1 lọ: 6 bông hoa

8 lọ: ...bông hoa?

- 1 HS lên bảng, cả lớp làm vào vở

Bài giải

8 lọ cần số bông hoa là:

$6 \times 8 = 48$ (bông hoa)

Đáp số: 48 bông hoa

- HS nêu yc.

- Gọi HS nêu đề toán.
- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.

VD: Mỗi học sinh mua 6 quyển vở. Hỏi 4 học sinh mua bao nhiêu quyển vở?

=> GV chốt KT: Để tìm số quyển vở của 4 học sinh ta thực hiện phép tính nhân (6×4)

- HS đọc lại bảng nhân 6
- Nhận xét tiết học.
- Dẫn chuẩn bị bài sau: Gấp một số lên một số lần.

- HS suy nghĩ lập đề bài.
- HS nêu đề toán, lớp nhận xét.
- HS tự giải bài toán.
- Nhận xét, đánh giá.
- HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn.

Tóm tắt

1 học sinh : 6 quyển vở

4 học sinh : ... quyển vở ?

Bài giải

4 học sinh mua số quyển vở là:

$$6 \times 4 = 24 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 24 quyển vở

- HS nêu

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Gấp một số lên một số lần

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Nhận biết được thế nào là gấp một số lên một số lần.
- Biết được cách tìm và tìm được giá trị của một số khi gấp lên một số lần (Muốn gấp một số lên một số lần, ta lấy số đó nhân với số lần)
- Vận dụng quy tắc để giải quyết một số bài toán và tình huống gắn với thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Năng lực giao tiếp toán học thông qua hoạt động khám phá kiến thức mới và hoạt động giải quyết các bài toán.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên:

- Bảng phụ (bài 1; 2)

2. Học sinh:

- Vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Khởi động:

- Nêu ví dụ về bài toán gấp một số lên một số lần và thực hiện tính kết quả.

- Muốn gấp một số lên một số lần ta làm thế nào?

=> GV chốt KT: Muốn gấp một số lên một số lần ta lấy số đó nhân với số lần.

2. Luyện tập

Bài 1:(BP): Viết số thích hợp vào bảng sau:

Số đã cho	4	5	6
Số gấp 6 lần số đã cho			

- Yêu cầu HS đọc, nêu y/c.

- GV gọi hs nêu quy tắc gấp 1 số lên một số lần.

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân

=> GV chốt KT: Muốn gấp một số lên một số lần ta lấy số đó nhân với số lần.

Bài 2: Viết theo mẫu:

M: Gấp 2kg lên 5 lần ta được: $2 \times 5 = 10$ (kg)

a. Gấp 4 m lên 5 lần ta được:.....

b. Gấp 3 l lên 6 lần ta được:.....

c. Gấp 5 phút lên 6 lần ta được:.....

d. Gấp 3 tuổi lên 5 lần ta được:.....

- Yêu cầu HS làm bài các nhân vào vở.

- Muốn gấp một số lên nhiều lần ta làm ntn?

=>GV chốt KT: Muốn gấp một số lên một số lần ta lấy số đó nhân với số lần.

Bài 3(BP): Bao thứ nhất đựng 6 kg gạo, bao thứ hai đựng gấp 4 lần số gạo bao thứ nhất. Hỏi bao thứ hai đựng bao nhiêu kilôgam gạo?

- Yêu cầu tóm tắt bài toán.

- Bài toán thuộc dạng toán nào? Ta làm phép tính nào?

- Yêu cầu làm bài.

- Gv cùng HS nhận xét, chốt kq đúng.

- Em nào có câu trả lời khác

=>GV chốt KT: Bài toán thuộc dạng gấp một

- Thảo luận nhóm đôi.

- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả.

- Muốn gấp một số lên một số lần ta lấy số đó nhân với số lần.

- HS lắng nghe.

- HS đọc, nêu y/c.

- HS trả lời: Muốn gấp một số lên một số lần, ta lấy số đó nhân với số lần

- 1HS lên bảng làm, lớp làm nháp.

- Lớp nhận xét, chốt kết quả đúng.

- HS làm bài cá nhân, chữa bài, đối chiếu bài với bạn.

- HS nêu

- HS đọc đề

- HS tóm tắt bài toán.

- Phân tích bài toán theo cặp.

- Gấp một số lên một số lần. Làm tính nhân.

- 1HS lên bảng giải, lớp làm bài vào vở.

Đáp số: 24 kg gạo.

HS nêu

số lên một số lần.

3. Vận dụng

Bài 4 (BP): Mỗi cái bàn có 6 cái ghế. Hỏi 5 cái bàn có bao nhiêu cái ghế?

- Gọi HS đọc đề toán
- Yêu cầu HS hỏi đáp theo cặp
- + Trong phòng có mấy bàn ăn?
- + Mỗi cái bàn xếp mấy cái ghế?
- + Vậy 6 cái ghế xếp được lấy mấy lần?
- + Muốn tính số ghế trong phòng ăn ta làm thế nào?
- Yêu cầu HS làm bài
- Chữa bài, nhận xét

- Gọi HS nêu câu trả lời khác

=> GV chốt KT: Bài toán thuộc dạng gấp một số lên một số lần.

- Muốn gấp một số lên nhiều lần ta làm thế nào?
- Về đọc thuộc lại các bảng nhân, chia đã học.

- 2 HS đọc đề toán
- Trao đổi bài theo cặp
- + Trong phòng có 5 cái bàn ăn
- + Mỗi cái bàn xếp 6 cái ghế
- + 6 cái ghế xếp được lấy 5 lần
- + Ta lấy 6×5

- HS giải vào vở, 1 HS làm bảng lớp.

Bài giải

Trong phòng ăn đó có số cái ghế là:

$$6 \times 5 = 30 \text{ (cái ghế)}$$

Đáp số: 30 cái ghế

HS nêu câu lời giải khác (Số cái ghế trong phòng ăn đó là)

TIẾNG VIỆT (TĂNG)

Luyện tập: Dấu gạch ngang. Lướt lời

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- củng cố cách dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.
- Biết nói đúng lướt lời trong đối thoại để thể hiện phép lịch sự.
- Phát triển năng lực văn học:

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Yêu bố mẹ, biết quý trọng những điều bố mẹ đã làm cho mình. Biết nhận lỗi và xin lỗi.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Bảng phụ (BT 1,2,3)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Khởi động

- Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng làm gì?

- Các nhân vật trong câu chuyện đối thoại như thế nào?

=>GV chốt KT: Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại. Nhân vật này nói xong lượt của mình, nhân vật khác mới nói.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập.

Bài 1. (BP) Tìm các câu có chứa dấu gạch ngang (dấu -) trong các đoạn văn sau:

a. Thấy tôi sán đến gần, ông hỏi tôi:

- Cháu con ai?

- Thưa ông, cháu là con ông Thư.

Duy

Khánh

b. Cậu con trai ôm chầm lấy cha:

- Cha ơi! Con đã bảo các bạn là nhất định cha sẽ cứu con và các bạn mà!

c. Cầm bài kiểm tra trên tay, mẹ em mỉm cười xoa đầu em khen ngợi:

- Con gái của mẹ giỏi quá!

- Yêu cầu HS đọc bài.

- Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm câu chứa dấu gạch ngang.

- Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng làm gì?

- GV nhận xét.

=>GV chốt KT: Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu

+ Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.

+ Nhân vật này nói xong lượt của mình, nhân vật khác mới nói.

- HS đọc yêu cầu bài.

- Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm câu chứa dấu gạch ngang.

- Đại diện HS trình bày:

a. - Cháu con ai?

- Thưa ông, cháu là con ông Thư.

b. - Cha ơi! Con đã bảo các bạn là nhất định cha sẽ cứu con và các bạn mà!

c. - Con gái của mẹ giỏi quá!

- Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.

- Đánh dấu lời nói của các nhân vật trong câu chuyện.

lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.

Bài 2. (BP) Đoạn văn kể lại cuộc trò chuyện.

Tìm câu sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu lời nhân vật trong cuộc trò chuyện.

Tan học, vừa chạy về nhà em vội rút bài kiểm tra hôm nay khoe với mẹ:

- Con chào mẹ. Mẹ ơi, hôm nay kiểm tra toán con được điểm 10, mẹ ạ.

Nhìn bài kiểm tra, mẹ em cười nói:

- Con gái của mẹ giỏi quá!

- GV đọc câu chuyện

- GV đưa ra một số câu hỏi:

- Khi tan học em chạy về nhà khoe mẹ những gì?

- Mẹ khen con gái như thế nào?

- Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?

- Tìm trong đoạn văn trên câu nào chứa dấu gạch ngang?

- Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng làm gì?

=>GV chốt KT: Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.

Bài 3. (BP)

Đoạn văn kể lại cuộc trò chuyện.

Tìm câu sử dụng lượt lời nghi vấn đánh dấu lời nhân vật trong cuộc trò chuyện

Ồi chao! Mùa xuân đến rồi!. Mùa xuân là mùa của muôn hoa nở rộ, chúng ta đã thêm được một tuổi xuân. Trong chung ta ai cũng thích mùa xuân có đúng không?

- Yêu cầu HS đọc bài.

- Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 tìm câu chứa lượt lời nghi vấn.

- GV nhận xét và giảng thêm:

Ồi chao! Mùa xuân đến rồi! (câu cảm)

- Mùa xuân là mùa của muôn hoa nở rộ.

- HS chú ý nghe

- Khi tan học em chạy về nhà khoe mẹ hôm nay con được điểm 10.

- Con gái của mẹ giỏi quá!

- Câu chuyện giúp em hiểu là phải chăm chỉ học tập sẽ đạt thành tích học tập tốt.

- Con chào mẹ.

- Con gái của mẹ giỏi quá!

- Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.

-Yêu cầu HS đọc bài.

- HS làm việc nhóm 2 tìm câu chứa lượt lời nghi vấn.

+ Trong chúng ta ai cũng thích mùa xuân có đúng không?

-- Chúng ta đã thêm được một tuổi xuân. (câu trần thuật). Trong chúng ta ai cũng thích mùa xuân có đúng không? (lượt lời nghi vấn).

=>GV chốt KT: Nhân vật này nói xong lượt của mình, nhân vật khác mới nói.

3. HĐ nối tiếp

- Tổ chức HS đối thoại về một vấn đề tùy HS chọn.

- GV nhận xét giờ học.

- HS trao đổi trong nhóm cặp.

- Vài HS hội thoại trước lớp.

TIẾNG VIỆT (TĂNG)

Ôn tập về từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động trạng thái, từ chỉ đặc điểm

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- củng cố cho HS về từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái và từ chỉ đặc điểm

2. Năng lực chung.

- Rèn KN tìm từ đúng, kĩ năng dùng từ đặt câu phù hợp yêu cầu cần đạt.

3. Phẩm chất.

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

II. Đồ dùng dạy học: Bảng phụ (BT 1,2,3)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- Thế nào là từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, trạng thái, từ chỉ đặc điểm?

- HS nêu:

- Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, cây cối, hiện tượng, khái niệm,...

- Từ chỉ hoạt động, trạng thái: là những từ chỉ sự vận động, cử động hay trạng thái của người, loài vật, sự vật. Từ chỉ đặc điểm là những từ miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị, kích thước,...) của sự vật.

- HS nêu

- Em hãy tìm 1 từ chỉ sự vật, 1 từ chỉ hoạt động, trạng thái, 1 từ chỉ đặc điểm của sự vật ?

=>GV chốt KT: Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, cây cối, hiện tượng, khái niệm,... Từ chỉ hoạt động, trạng thái: là những từ chỉ sự vận động, cử động hay trạng thái của người, loài vật, sự vật. Từ chỉ đặc điểm là những từ miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị, kích thước,...) của sự vật.

2 Hướng dẫn HS làm bài tập.

Bài 1: Tìm các từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái và từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn sau:

Hùng Vương thứ 18 có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng xứng đáng.

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

- Yêu cầu HS đọc bài.
- Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm từ

- GV nhận xét.

=>GV chốt khái niệm về từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm.

Bài 2: Xếp các từ sau thành 3 nhóm từ: Từ chỉ sự vật; từ chỉ hoạt động, trạng thái; từ chỉ đặc điểm:

mùa thu, vui tươi, vui chơi, lan man, quạt điện, yêu thương, xinh tươi, đáng yêu, tình yêu, cánh diều, thương yêu, dễ thương

- Yêu cầu HS đọc bài.
- Yêu cầu HS làm việc nhóm 3 tìm từ

- GV nhận xét.

=>GV chốt KT: Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, cây cối, hiện tượng, khái niệm,... Từ chỉ hoạt động, trạng thái: là những từ chỉ sự vận động, cử động hay trạng thái của người, loài vật, sự vật. Từ chỉ đặc điểm là những từ miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị, kích thước,...) của sự vật.

Bài 3: (BP) Hãy thêm các từ cho sau đây vào trước những từ thích hợp với chúng trong ba cột bên dưới. Cho biết

- HS đọc yêu cầu bài.

- Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm từ

+ Từ chỉ sự vật: Hùng Vương, người, con gái, tên, Mị Nương, hoa, tính nết, vua cha, nàng, con, người chồng

+ Từ chỉ hoạt động, trạng thái: có, yêu thương, muốn, kén, cho

+ Từ chỉ đặc điểm: đẹp, hiền dịu, hết mực, xứng đáng

- HS đọc yêu cầu bài.

-Yêu cầu HS làm việc nhóm 3 tìm từ

- Đại diện nhóm trình bày, nhận xét.

+ Từ chỉ sự vật: Mùa thu, quạt điện, tình yêu, cánh diều

+ Từ chỉ hoạt động, trạng thái: Vui chơi, yêu thương, thương yêu

+ Từ chỉ đặc điểm: vui tươi, lan man, xinh tươi, đáng yêu, dễ thương

mỗi từ trong ba cột đó thuộc từ loại nào?

a. những, các, một

b. hãy, đã, vừa

c. rất, hơi, quá

...hay ...quyển sách ...đột ngột

...đọc ...phục dịch ...ông giáo

...lần ...làng ...tốt

...nghĩ ngợi ...đập ...sung sướng

- Yêu cầu HS đọc bài.

- Yêu cầu HS làm bài vào vở

- GV nhận xét, chốt kết quả đúng:

+ Từ chỉ sự vật: Một lần, các làng, những ông giáo, một quyển sách,...

+ Từ chỉ hoạt động, trạng thái: Đã đọc, vừa nghĩ ngợi, đã phục dịch, vừa đập,...

+ Từ chỉ đặc điểm: Rất hay, rất đột ngột, rất phải, quá sung sướng,...

3.HĐ nối tiếp

Em hãy tìm 1 từ chỉ sự vật, 1 từ chỉ hoạt động, trạng thái, 1 từ chỉ đặc điểm của sự vật ? Nói câu với từ tìm được.

- Nhận xét tiết học.

- HS đọc yêu cầu bài.

- HS làm bài vào vở

- 1 HS làm bảng phụ.

- HS làm theo nhóm cặp.

- Vài HS nêu miệng trước lớp.

TIẾNG VIỆT (TĂNG)

Luyện tập: Kể lại một cuộc trò chuyện

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Viết được đoạn văn kể một mẩu chuyện có đối thoại. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp. Em với cô giáo viết đoạn văn khoảng 7 - 8 câu.

- Biết sử dụng dấu hai chấm và dấu gạch ngang báo hiệu lời nói trực tiếp của nhân vật.

- Phát triển năng lực văn học: Biết kể một mẩu chuyện có ý nghĩa.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi về cách viết chính tả của bạn.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc. Hoà đồng với mọi người.

II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

+ Cùng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.
- + Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- GV mở bài hát “Chữ đẹp mà nét càng ngoan”.
- + Cho HS lắng nghe bài hát.
- + Cùng trao đổi nội dung bài hát với HS.

- HS lắng nghe bài hát.
- Cùng trao đổi với GV về nhận xét của mình về nội dung bài hát

2. Luyện tập.

Đề bài: Trong tuần vừa qua em đã được trò chuyện với những ai? Em hãy viết đoạn văn kể lại một cuộc trò chuyện đó mà em thích nhất.

Mục tiêu: HS viết được đoạn văn kể lại một cuộc trò chuyện giữa HS với một người nào đó mà HS đã trực tiếp trò chuyện trong tuần qua.

B1: Chuẩn bị viết bài.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV yêu cầu HS quan sát, đọc gợi ý các bước viết một bài văn trong sơ đồ hình tròn.
- GV mời cả lớp thảo luận nhóm 3 theo bước 1, 2, 3 trong sơ đồ.

- 1-2 HS đọc yêu cầu bài.
- HS quan sát, đọc gợi ý trong sơ đồ hình tròn.
- HS thảo luận nhóm đôi.



B2: Viết đoạn văn

- GV yêu cầu HS viết vào vở ô li.
- GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.

B3: Giới thiệu đoạn văn.

- GV tổ chức cho HS đọc và chữa bài cho nhau.
- GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.
- GV mời HS nhận xét
- GV hướng dẫn HS nhận xét bài của bạn về cách dùng từ, sắp xếp ý. Lưu ý HS sử dụng dấu gạch ngang để viết lời nói trực tiếp của nhân vật.
- GV thu một số bài đánh giá và nhận xét sửa

- HS viết bài vào vở ô li.

- HS đọc và chữa bài cho nhau trong nhóm 4.
- Vài HS đọc bài viết của mình trước lớp.
- HS khác nhận xét

- HS nộp vở để GV kiểm tra,

những lỗi chung HS thường mắc phải. (VD: lỗi đánh giá.
chính tả, lỗi dùng từ, lỗi trình bày lời nói trực tiếp
của nhân vật,...)

3. HĐ nối tiếp

GV có thể tổ chức cho HS trực tiếp trò chuyện về
kết quả học tiết học viết văn hôm nay.

- Nhận xét tiết học.

- Vài cặp HS hỏi đáp trực
tiếp trước lớp.

Đoạn văn tham khảo

Hôm qua, em và Hà tranh luận với nhau về chiếc la bàn. Em đồ Hà:

- Theo cậu, kim la bàn luôn chỉ về hướng nào?

Hà trả lời ra vẻ tự tin:

- Hướng Bắc.

Em từ tốn giảng giải cho Hà:

- Bạn trả lời mới đúng một nửa. Kim la bàn luôn chỉ về hướng Bắc và Nam
vì kim la bàn có hai đầu.

Hà gãi tai:

- Ủ đúng rồi! Tớ quên không nghĩ ra kim la bàn có hai đầu.

Còn em cảm thấy rất vui vì em đã giúp bạn nhớ lại kiến thức về chiếc la bàn.
